

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1508 /GDĐT-TC

Về nhắc nộp hồ sơ đánh giá kết  
quả bồi dưỡng thường xuyên  
năm học 2014 - 2015.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 5 năm 2015

Ký: *Phạm TCCTH* *Thị Liên*  
*Thị Liên*

|                          |                        |
|--------------------------|------------------------|
| TRƯỞNG CĐKT. LÝ TỰ TRỌNG |                        |
| CV<br>ĐẾN                | Số: <u>422</u>         |
|                          | Ngày: <u>23/5/2015</u> |
|                          | Chuyên: _____          |
|                          | Lưu hồ sơ: _____       |

Kính gửi: - Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo quận, huyện;

- Hiệu trưởng trường Trung học phổ thông;
- Giám đốc Trung tâm Giáo dục thường xuyên;
- Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở,

Căn cứ kế hoạch số 2549/KH-GDĐT-TC ngày 28/7/2014 của Sở Giáo dục và Đào tạo về bồi dưỡng thường xuyên giáo viên mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên năm học 2014-2015;

Căn cứ công văn số 1228/KH-GDĐT-TC ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn công tác đánh giá kết quả bồi dưỡng thường xuyên giáo viên mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên năm học 2014 – 2015;

Theo nội dung các văn bản trên, các đơn vị nộp hồ sơ đánh giá kết quả bồi dưỡng thường xuyên năm học 2014 – 2015 về phòng Tổ chức cán bộ từ ngày 15/5/2015 đến hết ngày 21/5/2015.

Hiện tại phòng Tổ chức cán bộ vẫn chưa nhận được hồ sơ đánh giá kết quả Bồi dưỡng thường xuyên năm học 2014 – 2015 của một số đơn vị. Danh sách các đơn vị đã và chưa nộp hồ sơ đánh giá kết quả Bồi dưỡng thường xuyên năm học 2014 – 2015 được Phòng Tổ chức cán bộ tổng hợp ở tập tin đính kèm.

Các đơn vị chưa nộp hồ sơ đánh giá kết quả Bồi dưỡng thường xuyên năm học 2014 – 2015 gửi về Phòng Tổ chức cán bộ (chuyên viên Lê Thị Lệ Nga) trước ngày 26 tháng 5 năm 2015 (và gửi e-mail các bảng phụ lục theo địa chỉ: [ltlnga.sgddt@tphcm.gov.vn](mailto:ltlnga.sgddt@tphcm.gov.vn)) để tổng hợp số liệu và báo cáo cho Bộ Giáo dục và Đào tạo đúng tiến độ. Riêng đối với các trường THPT, Trung tâm GDTX và các đơn vị trực thuộc, Sở Giáo dục và Đào tạo không công nhận kết quả BDTX năm học 2014 – 2015 đối với các đơn vị không nộp hồ sơ đầy đủ và đúng hạn.

Sở Giáo dục và Đào tạo yêu cầu các đơn vị nghiêm túc thực hiện./.

**Nơi nhận :**

- Như trên;
- Giám đốc (để b/c);
- Lưu:TCCB.

**TL. GIÁM ĐỐC**  
**TRƯỞNG PHÒNG TỔ CHỨC CÁN BỘ**

(đã ký)

**Nguyễn Huỳnh Long**

**TỔNG HỢP DANH SÁCH ĐƠN VỊ NỘP BÁO CÁO BỒI DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN NĂM HỌC 2014 - 2015**

| STT | QUẬN | TÊN ĐƠN VỊ (CÔNG LẬP)                     | Nộp hồ sơ (X) | Gửi mail PL (X) | Ghi chú |
|-----|------|-------------------------------------------|---------------|-----------------|---------|
| 1   | 1    | Trường THPT Bùi Thị Xuân                  |               |                 |         |
| 2   | 1    | Trường THPT Trưng Vương                   |               |                 |         |
| 3   | 1    | Trường THPT chuyên Trần Đại Nghĩa         |               |                 |         |
| 4   | 1    | Trường THPT Ten Lơ Man                    |               |                 |         |
| 5   | 2    | Trường THPT Giồng Ông Tố                  |               |                 |         |
| 6   | 2    | Trường THPT Thủ Thiêm                     | X             | X               |         |
| 7   | 3    | Trường THPT Lê Quý Đôn                    |               |                 |         |
| 8   | 3    | Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai          |               |                 |         |
| 9   | 3    | Trường THPT Marie Curie                   |               |                 |         |
| 10  | 4    | Trường THPT Nguyễn Trãi                   |               |                 |         |
| 11  | 4    | Trường THPT Nguyễn Hữu Thọ                | X             | X               |         |
| 12  | 5    | Trường THPT Hùng Vương                    |               | X               |         |
| 13  | 5    | Trường THPT chuyên Lê Hồng Phong          |               | X               |         |
| 14  | 5    | Trường THPT Trần Khai Nguyên              | X             | X               |         |
| 15  | PN   | Trường THPT Quốc tế Việt - Úc             |               |                 |         |
| 16  | 6    | Trường THPT Mạc Đĩnh Chi                  |               |                 |         |
| 17  | 6    | Trường THPT Bình Phú                      |               |                 |         |
| 18  | 6    | Trường THPT Nguyễn Tất Thành              | X             | X               |         |
| 19  | 7    | Trường THPT Lê Thánh Tôn                  |               |                 |         |
| 20  | 7    | Trường THPT Ngô Quyền                     |               |                 |         |
| 21  | 7    | Trường THPT Tân Phong                     |               |                 |         |
| 22  | 7    | Trường THPT Nam Sài Gòn                   | X             | X               |         |
| 23  | 8    | Trường THPT Lương Văn Can                 |               |                 |         |
| 24  | 8    | Trường THPT Ngô Gia Tự                    |               |                 |         |
| 25  | 8    | Trường THPT Tạ Quang Bửu                  | X             | X               |         |
| 26  | 8    | Trường THPT chuyên NKTDĐT Nguyễn Thị Định |               |                 |         |
| 27  | 8    | Trường THPT Nguyễn Văn Linh               |               | X               |         |
| 28  | 9    | Trường THPT Nguyễn Huệ                    |               |                 |         |
| 29  | 9    | Trường THPT Phước Long                    |               |                 |         |
| 30  | 9    | Trường THPT Long Trường                   |               |                 |         |
| 31  | 9    | Trường THPT Nguyễn Văn Tăng               |               |                 |         |
| 32  | 10   | Trường THPT Nguyễn Du                     |               |                 |         |
| 33  | 10   | Trường THPT Nguyễn Khuyến                 |               |                 |         |
| 34  | 10   | Trường THPT Nguyễn An Ninh                |               |                 |         |
| 35  | 11   | Trường THPT Nguyễn Hiền                   | X             | X               |         |
| 36  | 11   | Trường THPT Nam Kỳ Khởi Nghĩa             |               |                 |         |
| 37  | 11   | Trường THPT Trần Quang Khải               |               |                 |         |
| 38  | 12   | Trường THPT Thạnh Lộc                     |               | X               |         |
| 39  | 12   | Trường THPT Võ Trường Toản                |               |                 |         |
| 40  | 12   | Trường THPT Trường Chinh                  |               |                 |         |
| 41  | BTh  | Trường THPT Thanh Đa                      | Thiếu KH, QĐ  |                 |         |
| 42  | BTh  | Trường THPT Gia Định                      |               |                 |         |
| 43  | BTh  | Trường THPT Võ Thị Sáu                    |               | X               |         |
| 44  | BTh  | Trường THPT Phan Đăng Lưu                 |               |                 |         |
| 45  | BTh  | Trường THPT Hoàng Hoa Thám                | X             |                 |         |
| 46  | BTh  | Trường THPT Trần Văn Giàu                 |               | X               |         |
| 47  | GV   | Trường THPT Gò Vấp                        |               |                 |         |
| 48  | GV   | Trường THPT Nguyễn Công Trứ               |               |                 |         |
| 49  | GV   | Trường THPT Trần Hưng Đạo                 | X             |                 |         |
| 50  | GV   | Trường THPT Nguyễn Trung Trực             |               |                 |         |
| 51  | HM   | Trường THPT Lý Thường Kiệt                | Thiếu KH, QĐ  | X               |         |
| 52  | HM   | Trường THPT Nguyễn Hữu Cẩu                |               |                 |         |

|     |     |                                |              |   |          |
|-----|-----|--------------------------------|--------------|---|----------|
| 53  | HM  | Trường THPT Bà Điểm            |              |   |          |
| 54  | HM  | Trường THPT Nguyễn Văn Cừ      | X            | X |          |
| 55  | HM  | Trường THPT Nguyễn Hữu Tiến    |              |   |          |
| 56  | HM  | Trường THPT Phạm Văn Sáng      | X            | X |          |
| 57  | PN  | Trường THPT Phú Nhuận          |              |   |          |
| 58  | PN  | Trường THPT Hàn Thuyên         |              |   |          |
| 59  | TB  | Trường THPT Nguyễn Thượng Hiền |              |   |          |
| 60  | TB  | Trường THPT Nguyễn Chí Thanh   |              |   |          |
| 61  | TB  | Trường THPT Nguyễn Thái Bình   |              |   |          |
| 62  | TP  | Trường THPT Trần Phú           |              |   |          |
| 63  | TP  | Trường THPT Tân Bình           |              |   |          |
| 64  | TP  | Trường THPT Tây Thạnh          |              |   |          |
| 65  | TĐ  | Trường THPT Nguyễn Hữu Huân    |              |   |          |
| 66  | TĐ  | Trường THPT Thủ Đức            |              |   |          |
| 67  | TĐ  | Trường THPT Tam Phú            |              |   |          |
| 68  | TĐ  | Trường THPT Hiệp Bình          |              |   |          |
| 69  | TĐ  | Trường THPT Đào Sơn Tây        |              |   |          |
| 70  | CC  | Trường THPT An Nhơn Tây        |              |   |          |
| 71  | CC  | Trường THPT Củ Chi             | X            | X |          |
| 72  | CC  | Trường THPT Trung Phú          |              |   |          |
| 73  | CC  | Trường THPT Quang Trung        | Thiếu KH, QĐ | X |          |
| 74  | CC  | Trường Thiếu Sinh quân         |              |   |          |
| 75  | CC  | Trường THPT Trung Lập          | Thiếu KH, BC | X | Gửi nhầm |
| 76  | CC  | Trường THPT Phú Hòa            | X            | X |          |
| 77  | CC  | Trường THPT Tân Thông Hội      |              |   |          |
| 78  | BC  | Trường THPT Đa Phước           |              |   |          |
| 79  | BC  | Trường THPT Bình Chánh         | X            | X |          |
| 80  | BC  | Trường THPT Lê Minh Xuân       | X            | X |          |
| 81  | BC  | Trường THPT Tân Túc            | X            |   |          |
| 82  | BTa | Trường THPT An Lạc             |              |   |          |
| 83  | BTa | Trường THPT Vĩnh Lộc           |              |   |          |
|     |     | Trường THPT Vĩnh Lộc B         | X            |   |          |
| 84  | BTa | Trường THPT Nguyễn Hữu Cánh    |              |   |          |
| 85  | BTa | Trường THPT Bình Hưng Hòa      | X            | X |          |
| 86  | BTa | Trường THPT Bình Tân           | X            | X |          |
| 87  | CG  | Trường THPT Bình Khánh         |              |   |          |
| 88  | CG  | Trường THPT Cần Thạnh          |              |   |          |
| 89  | CG  | Trường THPT An Nghĩa           | X            |   |          |
| 90  | NB  | Trường THPT Long Thới          | X            |   |          |
| 91  | NB  | Trường THPT Phước Kiển         |              |   | Gửi nhầm |
| 92  | 1   | Trung tâm GDTX Quận 1          |              |   |          |
| 93  | 1   | Trung tâm GDTX Lê Quý Đôn      |              |   |          |
| 94  | 2   | Trung tâm GDTX Quận 2          | X            | X |          |
| 95  | 3   | Trung tâm GDTX Quận 3          |              |   |          |
| 96  | 4   | Trung tâm GDTX Quận 4          | X            |   |          |
| 97  | 5   | Trung tâm GDTX Quận 5          |              |   |          |
| 98  | 5   | Trung tâm GDTX Chu Văn An      |              |   |          |
| 99  | 5   | Trung tâm GDTX Tiếng Hoa       | X            |   |          |
| 100 | 6   | Trung tâm GDTX Quận 6          | X            | X |          |
| 101 | 7   | Trung tâm GDTX Quận 7          | X            |   |          |
| 102 | 8   | Trung tâm GDTX Quận 8          |              |   |          |
| 103 | 9   | Trung tâm GDTX Quận 9          |              | X |          |
| 104 | 10  | Trung tâm GDTX Quận 10         | Thiếu QĐ     | X |          |
| 105 | 11  | Trung tâm GDTX Quận 11         |              |   |          |
| 106 | 12  | Trung tâm GDTX Quận 12         | X            |   |          |

|      |     |                                            |                  |   |  |
|------|-----|--------------------------------------------|------------------|---|--|
| 107  | PN  | Trung tâm GDTX Quận Phú Nhuận              |                  |   |  |
| 108  | BTh | Trung tâm GDTX Quận Bình Thạnh             |                  |   |  |
| 109  | TB  | Trung tâm GDTX Quận Tân Bình               | Thiếu KH, QĐ     |   |  |
| 110  | TP  | Trung tâm GDTX Quận Tân Phú                |                  |   |  |
| 111  | GV  | Trung tâm GDTX Quận Gò Vấp                 | X                | X |  |
| 112  | TĐ  | Trung tâm GDTX Quận Thủ Đức                | Thiếu PL Kết quả | X |  |
| 113  | HM  | Trung tâm GDTX Huyện Hóc Môn               |                  |   |  |
| 114  | CC  | Trung tâm GDTX Huyện Củ Chi                |                  |   |  |
| 115  | BC  | Trung tâm GDTX Huyện Bình Chánh            |                  |   |  |
| 116  | BTa | Trung tâm GDTX Quận Bình Tân               |                  |   |  |
| 117  | NB  | Trung tâm GDTX Huyện Nhà Bè                | X                |   |  |
| 118  | CG  | Trung tâm GDTX Huyện Cần Giờ               |                  | X |  |
| 119  | 3   | Trung tâm GDKTTH và HN Lê Thị Hồng Gấm     |                  |   |  |
| 120  | 3   | Trung tâm HTPTGDHN cho Người Khuyết tật    |                  |   |  |
| 121  | 1   | Trường mầm non 19/5 thành phố              |                  | X |  |
| 122  | 3   | Trường mầm non thành phố                   |                  | X |  |
| 123  | 7   | Trường mầm non Nam Sài Gòn                 | X                | X |  |
| 132  | 10  | Trường PTĐB Nguyễn Đình Chiểu              |                  |   |  |
| 133  |     | THPT Lý Tự Trọng                           |                  |   |  |
| 134  | 1   | Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 1           |                  |   |  |
| 134a | 1   | Trường THPT Lương Thế Vinh                 | X                |   |  |
| 135  | 2   | Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 2           |                  |   |  |
| 136  | 3   | Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 3           |                  |   |  |
| 136a | 3   | Trường THPT Nguyễn Thị Diệu                | X                | X |  |
| 137  | 4   | Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 4           |                  |   |  |
| 138  | 5   | Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 5           |                  |   |  |
| 138a | 5   | Trường THPT Trần Hữu Trang                 | X                | X |  |
| 139  | 6   | Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 6           |                  |   |  |
| 140  | 7   | Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 7           |                  |   |  |
| 141  | 8   | Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 8           |                  | X |  |
| 142  | 9   | Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 9           | X                | X |  |
| 143  | 10  | Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 10          | X                | X |  |
| 143a | 10  | Trường THPT Diên Hồng                      |                  |   |  |
| 143b | 10  | Trường THPT Sương Nguyệt Anh               | Thiếu KH, QĐ     | X |  |
| 144  | 11  | Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 11          |                  |   |  |
| 145  | 12  | Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 12          | X                | X |  |
| 146  | PN  | Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận Phú Nhuận   | X                | X |  |
| 147  | BTh | Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận Bình Thạnh  |                  |   |  |
| 148  | TB  | Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận Tân Bình    |                  | X |  |
| 149  | TP  | Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận Tân Phú     |                  | X |  |
| 150  | GV  | Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận Gò Vấp      |                  |   |  |
| 151  | TĐ  | Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận Thủ Đức     |                  |   |  |
| 152  | HM  | Phòng Giáo dục và Đào tạo Huyện Hóc Môn    |                  |   |  |
| 153  | CC  | Phòng Giáo dục và Đào tạo Huyện Củ Chi     |                  | X |  |
| 154  | BC  | Phòng Giáo dục và Đào tạo Huyện Bình Chánh | X                | X |  |
| 155  | BTa | Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận Bình Tân    | X                | X |  |
| 156  | NB  | Phòng Giáo dục và Đào tạo Huyện Nhà Bè     | X                | X |  |
| 157  | CG  | Phòng Giáo dục và Đào tạo Huyện Cần Giờ    |                  |   |  |

| STT | QUẬN | TÊN ĐƠN VỊ (NGOÀI CÔNG LẬP) |          |          |  |
|-----|------|-----------------------------|----------|----------|--|
| 1   |      | THCS-THPT Bắc Sơn           | X        |          |  |
| 2   |      | THPT Dương Văn Dương        | X        |          |  |
| 3   |      | THPT Văn Lang               | X        |          |  |
| 4   |      | THCS-THPT Nguyễn Khuyến     | Thiếu PL | Thiếu PL |  |
| 5   |      | THPT Hermann Gmeimer        |          | X        |  |

|   |  |                       |   |   |  |
|---|--|-----------------------|---|---|--|
| 6 |  | TH-THCS-THPT Vạn Hạnh | X |   |  |
| 7 |  | THCS-THPT Đức Trí     | X | X |  |

**Bảng tổng hợp trên được cập nhật đến hết ngày 21 tháng 5 năm 2015.**

**Các đơn vị kiểm tra bảng tổng hợp trên. Các đơn vị chưa nộp danh sách cần gửi cho Phòng TC**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 1228 /GDĐT-TC  
Về hướng dẫn công tác đánh giá  
kết quả bồi dưỡng thường xuyên  
năm học 2014-2015

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 4 năm 2015*

Kính gửi:

- Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo quận huyện;
- Hiệu trưởng trường Trung học phổ thông;
- Giám đốc trung tâm Giáo dục thường xuyên;
- Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở,

Căn cứ Thông tư số 26 /2012/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 7 năm 2012 của Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành Quy chế bồi dưỡng thường xuyên giáo viên mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Thông tư số 30/2011/TT-BGDĐT ngày 08/8/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình bồi dưỡng thường xuyên giáo viên trung học phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 31/2011 ngày 08/8/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình bồi dưỡng thường xuyên giáo viên THCS;

Căn cứ Thông tư số 32/2011 ngày 08/8/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình bồi dưỡng thường xuyên giáo viên Tiểu học;

Căn cứ Thông tư số 33/2011 ngày 08/8/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình bồi dưỡng thường xuyên giáo viên Giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Thông tư số 36/2011 ngày 17/8/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình bồi dưỡng thường xuyên giáo viên Mầm non);

Căn cứ kế hoạch số 2549/KH-GDĐT-TC ngày 28/7/2014 của Sở Giáo dục và Đào tạo về bồi dưỡng thường xuyên giáo viên mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên năm học 2014-2015;

Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn các Phòng Giáo dục và Đào tạo quận huyện, Trường Trung học phổ thông, Trung tâm Giáo dục thường xuyên, các đơn vị trực thuộc Sở về công tác đánh giá kết quả bồi dưỡng thường xuyên (BDTX) của cán bộ quản lý và giáo viên năm học 2014 – 2015 như sau:

**I. Nội dung đánh giá:**

**1. Nội dung bồi dưỡng 1(30 tiết/năm học/giáo viên) và nội dung bồi dưỡng 2 (30 tiết/năm học/giáo viên):**

Các đơn vị căn cứ nội dung bồi dưỡng của kế hoạch số 2549/KH-GDĐT-TC ngày 28/7/2014 của Sở Giáo dục và Đào tạo về bồi dưỡng thường xuyên giáo viên mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên năm học 2014-2015 để đánh giá kết quả học BDTX cho cán bộ quản lý và giáo viên tại đơn vị đối với nội dung 1 và nội dung 2.

## **2. Nội dung bồi dưỡng 3: 60 tiết/năm học/giáo viên.**

Nội dung đánh giá:

### **2.1. Đối với Giáo dục Mầm non:**

#### **2.1.1. Cán bộ quản lý:**

- Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm.
- Thu hút cha mẹ trẻ mầm non và cộng đồng tham gia đóng góp vào chăm sóc giáo dục trẻ.
- Phương pháp chăm sóc, giáo dục đối với trẻ dân tộc thiểu số và trẻ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.
- Tổ chức ăn trưa cho trẻ - các cách thức tổ chức và nâng cao chất lượng bữa ăn

#### **2.1.2. Giáo viên**

- Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm: Giáo dục phát triển ngôn ngữ.
- Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm: Giáo dục phát triển nhận thức.
- Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm: Giáo dục phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội.
- Hợp tác với cha mẹ trong việc chăm sóc, giáo dục trẻ.
- Phương pháp chăm sóc, giáo dục trẻ dân tộc thiểu số và trẻ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn

### **2.2. Đối với Giáo dục Tiểu học:**

- Ứng dụng phương pháp “Bàn tay nặn bột” trong dạy học môn khoa học và tự nhiên xã hội.
- Phát hiện những sai lầm trong việc dạy học Toán ở Tiểu học.
- Hướng dẫn ra đề môn Tiếng Việt ở Tiểu học.
- Sử dụng bảng tương tác trong việc dạy học môn Khoa-Sử-Địa trong trường Tiểu học.

### **2.3. Đối với Giáo dục THCS và THPT:**

- Chuyên đề tập huấn tổ trưởng chuyên môn cấp THCS về đổi mới sinh hoạt tổ chuyên môn qua nghiên cứu bài học.
- Chuyên đề tập huấn thiết kế giáo án, phương pháp giảng bài lồng ghép GDQP-AN.
- Chuyên đề tập huấn CBQL và giáo viên về biên soạn câu hỏi, bài tập và xây dựng đề kiểm tra theo định hướng phát triển năng lực của 9 môn học cấp THPT và THCS.
- Chuyên đề tập huấn CBQL và giáo viên cốt cán về xây dựng và tổ chức dạy học chủ đề liên môn ở cấp THCS và THPT.

- Chuyên đề tập huấn CBQL và giáo viên về dạy học môn GD CD cấp THCS và THPT.
- Chuyên đề tập huấn tăng cường kỹ năng biên soạn tài liệu và tổ chức dạy học các chủ đề tích hợp và phân hóa.
- Chuyên đề tập huấn tăng cường năng lực cho giáo viên trung học theo yêu cầu chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học.
- Chuyên đề tập huấn về đổi mới công tác giáo viên chủ nhiệm trong trường trung học.

#### **2.4. Đối với Giáo dục thường xuyên:**

Các lớp bồi dưỡng cho từng bộ môn được tổ chức thành 2 mô đun với thời lượng 15 tiết/module, bao gồm các tiết lý thuyết, thực hành và tự học.

Ngoài ra, căn cứ nhu cầu của cá nhân, khối kiến thức tự chọn trong chương trình bồi dưỡng thường xuyên giáo viên ban hành kèm theo các Thông tư tương ứng; giáo viên tự lựa chọn thêm các module bồi dưỡng để đủ thời lượng theo quy định.

#### **2.5. Các nội dung bồi dưỡng khác trong nhà trường:**

- Giáo dục các kỹ năng trong trường học.
- Đổi mới phương pháp dạy học của các bộ môn.
- Khai thác thiết bị dạy học phục vụ đổi mới phương pháp dạy học.
- Bồi dưỡng năng lực kiểm tra hoạt động giáo dục và thanh tra hoạt động sư phạm của nhà giáo.
- Bồi dưỡng quản lý giáo dục cho cán bộ quản lý và cán bộ dự nguồn.
- Bồi dưỡng quản lý tài chính cho Chủ tài khoản và Kế toán các cơ sở giáo dục.
- Bồi dưỡng về công tác thi đua, khen thưởng.
- Bồi dưỡng chương trình Giáo dục Pháp luật.

### **II. Căn cứ và phương thức đánh giá kết quả bồi dưỡng thường xuyên:**

#### **1. Căn cứ đánh giá và xếp loại kết quả BDTX giáo viên:**

- Căn cứ đánh giá kết quả BDTX của giáo viên là kết quả việc thực hiện kế hoạch BDTX của giáo viên đã được phê duyệt và kết quả đạt được của nội dung bồi dưỡng 1, nội dung bồi dưỡng 2 và các mô đun thuộc nội dung bồi dưỡng 3.
- Xếp loại kết quả BDTX giáo viên gồm 4 loại: Loại giỏi (viết tắt: G), loại khá (viết tắt: K), loại trung bình (viết tắt: TB) và loại không hoàn thành kế hoạch.

#### **2. Phương thức đánh giá kết quả BDTX:**

##### **2.1. Hình thức, đơn vị đánh giá kết quả BDTX:**

Hiệu trưởng (Giám đốc) chịu trách nhiệm tổ chức đánh giá kết quả BDTX của giáo viên: Giáo viên trình bày kết quả vận dụng kiến thức BDTX của cá nhân trong quá trình dạy học, giáo dục học sinh tại tổ bộ môn thông qua các báo cáo chuyên đề. Điểm áp dụng khi sử dụng hình thức đánh giá này như sau:

Căn cứ vào các nội dung trên, Sở Giáo dục và Đào tạo yêu cầu các đơn vị triển khai thực hiện và nộp hồ sơ công tác đánh giá kết quả bồi dưỡng thường xuyên năm học 2014 – 2015 của đơn vị về phòng Tổ chức cán bộ **từ ngày 15/5/2015 đến hết ngày 21/5/2015**. Hồ sơ bao gồm:

1. Quyết định thành lập Ban chỉ đạo công tác BDTX năm học 2014 – 2015 của đơn vị.
2. Kế hoạch BDTX năm học 2014 – 2015 của đơn vị.
3. Báo cáo kết quả BDTX năm học 2014 – 2015 theo mẫu (**Mẫu 1** dành cho các trường trường THPT, TTGDTX, các đơn vị trực thuộc; **Mẫu 2** dành cho các Phòng GDĐT).
4. Bảng phụ lục đánh giá kết quả BDTX năm học 2014 – 2015 theo mẫu (**Phụ lục I** dành cho các trường trường THPT, TTGDTX, các đơn vị trực thuộc; **phụ lục II, III, IV**, dành cho các Phòng Giáo dục và Đào tạo). Riêng (các) bảng phụ lục đánh giá kết quả BDTX, ngoài gửi bằng văn bản (người nhận: chuyên viên Lê Thị Lệ Nga), các đơn vị gửi e-mail về phòng Tổ chức Cán bộ - Sở Giáo dục và Đào tạo qua địa chỉ: [ltnga.sgddt@tphcm.gov.vn](mailto:ltnga.sgddt@tphcm.gov.vn) để thuận tiện trong việc tổng hợp theo từng bậc học.

Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị các đơn vị nghiêm túc thực hiện nội dung hướng dẫn trên và nộp hồ sơ về phòng Tổ chức Cán bộ đúng thời hạn.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Phó GD: Ô. Thanh;
- Lưu: VT, TCCB.

**GIÁM ĐỐC**

(Đã ký)

**Lê Hồng Sơn**

MẪU 1: (Dành cho các trường THPT, TTGDTX, các đơn vị trực thuộc)

Đơn vị: \_\_\_\_\_

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:  
2015

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày      tháng      năm

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ BOI DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN NĂM HỌC: 2014 - 2015**

Căn cứ kế hoạch số 2549/KH-GDĐT-TC ngày 28/7/2014 của Sở Giáo dục và Đào tạo về bồi dưỡng thường xuyên giáo viên mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên năm học 2014-2015;

Căn cứ văn bản số ..... /GDĐT-TC ngày ..... tháng 4 năm 2015 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn công tác đánh giá kết quả bồi dưỡng thường xuyên năm học 2013-2014;

Trường / Trung tâm ..... báo cáo kết quả bồi dưỡng thường xuyên năm học 2014 – 2015 gồm những nội dung sau đây:

### **I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH:**

#### **1. Nhân sự:**

- Tổng số CBQL và giáo viên: ..... người. Trong đó:  
Cán bộ quản lý: ..... người.  
Giáo viên: ..... người.

#### **2. Thuận lợi và khó khăn trong việc triển khai công tác BDTX:**

##### **2.1 Thuận lợi:**

##### **2.2 Khó khăn:**

### **II. KẾT QUẢ CÔNG TÁC BOI DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN:**

#### **1. Xây dựng kế hoạch BDTX năm học 2013 – 2014:**

- Công tác xây dựng kế hoạch BDTX năm học 2014 – 2015 (nêu số của kế hoạch).
- Ra quyết định thành lập ban chỉ đạo công tác BDTX năm học 2014 – 2015 của đơn vị (nêu số của quyết định).

#### **2. Tình hình triển khai thực hiện kế hoạch BDTX của đơn vị:**

- Số lượng, tỷ lệ CBQL, giáo viên tham gia BDTX đầy đủ 3 nội dung bồi dưỡng:
- Số lượng, tỷ lệ CBQL, giáo viên không tham gia BDTX đầy đủ 3 nội dung bồi dưỡng:

Lý do: .....  
.....

- Số lượng module CBQL, GV chọn bồi dưỡng cho nội dung 3 là ..... module. Tên cụ thể các module thể hiện trong bảng sau:

| Stt | Tên module | Hình thức tổ chức | Thời gian tổ chức | Số CBQL, giáo viên tham gia | Ghi chú |
|-----|------------|-------------------|-------------------|-----------------------------|---------|
|     |            |                   |                   |                             |         |
|     |            |                   |                   |                             |         |
|     |            |                   |                   |                             |         |
|     |            |                   |                   |                             |         |
|     |            |                   |                   |                             |         |
|     |            |                   |                   |                             |         |
|     |            |                   |                   |                             |         |
|     |            |                   |                   |                             |         |

### 3. Kết quả đánh giá BDTX của CBQL và giáo viên:

Kết quả xếp loại BDTX của CBQL, giáo viên năm học 2014 – 2015 như sau:

- Loại giỏi (G): (số lượng/tỷ lệ).
- Loại khá (K): (số lượng/tỷ lệ).
- Loại trung bình (TB): (số lượng/tỷ lệ).
- Tổng cộng (Loại G + Loại K + Loại TB): (số lượng/tỷ lệ).
- Không hoàn thành: (số lượng/tỷ lệ).

Kết quả cụ thể theo phụ lục I đính kèm.

### III. NHẬN XÉT – ĐÁNH GIÁ:

1. Mặt mạnh:
2. Mặt hạn chế:
3. Biện pháp khắc phục:

### IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ (nếu có):

Nơi nhận :

- P.TCCB/Sở GD & ĐT;
- Lưu (VT).

**HIỆU TRƯỞNG / GIÁM ĐỐC**

(Ký tên, đóng dấu)

**MẪU 2:** (Dành cho các Phòng GD&ĐT):

Đơn vị: \_\_\_\_\_

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:  
2015

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày      tháng      năm

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ BOI DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN NĂM HỌC: 2014 - 2015**

Căn cứ kế hoạch số 2549/KH-GD&ĐT-TC ngày 28/7/2014 của Sở Giáo dục và Đào tạo về bồi dưỡng thường xuyên giáo viên mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên năm học 2014-2015;

Căn cứ văn bản số ..... /GD&ĐT-TC ngày ..... tháng 4 năm 2015 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn công tác đánh giá kết quả bồi dưỡng thường xuyên năm học 2014-2015;

Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận / Huyện ..... báo cáo kết quả bồi dưỡng thường xuyên năm học 2014 – 2015 gồm những nội dung sau đây:

### **I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH:**

#### **1. Nhân sự:**

Tổng số CBQL và GV hiện có toàn Quận / Huyện: ..... người. Trong đó:

- Bậc MN: Cán bộ quản lý: ..... người, giáo viên: ..... người.
- Bậc TiH: Cán bộ quản lý: ..... người, giáo viên: ..... người.
- Bậc THCS: Cán bộ quản lý: ..... người, giáo viên: ..... người.

#### **2. Thuận lợi và khó khăn trong việc triển khai công tác BDTX:**

2.1 Thuận lợi:

2.2 Khó khăn:

### **II. KẾT QUẢ CÔNG TÁC BOI DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN:**

#### **1. Xây dựng kế hoạch BDTX năm học 2014 – 2015 và thẩm định, phê duyệt kế hoạch BDTX của các trường MN, TiH, THCS:**

- Công tác xây dựng kế hoạch BDTX năm học 2014 – 2015 của Phòng GD&ĐT (nêu số của kế hoạch).
- Ra quyết định thành lập ban chỉ đạo công tác BDTX năm học 2014 – 2015 cho toàn Quận / Huyện của Phòng GD&ĐT (nêu số của quyết định).
- Công tác tổ chức thẩm định và phê duyệt kế hoạch BDTX năm học 2014 – 2015 của các trường MN, TiH, THCS thuộc Quận / Huyện của Phòng GD&ĐT.

#### **2. Tình hình triển khai thực hiện kế hoạch BDTX của đơn vị:**

- Số lượng, tỷ lệ CBQL, giáo viên tham gia BDTX đầy đủ 3 nội dung bồi dưỡng của 3 bậc học là ..... người. Trong đó:
  - + Bậc MN: Cán bộ quản lý: ..... người, giáo viên: ..... người.
  - + Bậc TiH: Cán bộ quản lý: ..... người, giáo viên: ..... người.
  - + Bậc THCS: Cán bộ quản lý: ..... người, giáo viên: ..... người.

- Số lượng, tỷ lệ CBQL, giáo viên không tham gia BDTX đầy đủ 3 nội dung bồi dưỡng của 3 bậc học là ..... người. Trong đó: + Bậc MN: Cán bộ quản lý: ..... người, giáo viên: ..... người.  
+ Bậc TiH: Cán bộ quản lý: ..... người, giáo viên: ..... người.  
+ Bậc THCS: Cán bộ quản lý: ..... người, giáo viên: ..... người.

Lý do:

.....  
.....  
.....

- Tổng số module CBQL, GV chọn bồi dưỡng cho nội dung 3 là ..... module. Trong đó:  
+ Bậc MN ..... Module.  
+ Bậc TiH ..... Module.  
+ Bậc THCS ..... Module.

Tên cụ thể các module thể hiện trong bảng sau:

| Bậc học  | Tên module | Hình thức tổ chức | Ghi chú |
|----------|------------|-------------------|---------|
| MẦM NON  |            |                   |         |
|          |            |                   |         |
|          |            |                   |         |
| TIỂU HỌC |            |                   |         |
|          |            |                   |         |
|          |            |                   |         |
| THCS     |            |                   |         |
|          |            |                   |         |
|          |            |                   |         |

### 3. Kết quả đánh giá BDTX của CBQL và giáo viên:

- Tổng số CBQL, giáo viên hoàn thành BDTX năm học 2014 – 2015 của 3 bậc học: (số lượng/tỷ lệ)
- Tổng số CBQL, giáo viên không hoàn thành BDTX năm học 2014 – 2015 của 3 bậc học: (số lượng/tỷ lệ)

Kết quả xếp loại BDTX của CBQL, giáo viên năm học 2014 – 2015 theo từng bậc học như sau:

#### 3.1. Kết quả xếp loại CBQL và giáo viên bậc MN:

Tổng số CBQL và GV: ..... người.

- Loại giỏi (G): (số lượng/tỷ lệ).
- Loại khá (K): (số lượng/tỷ lệ).
- Loại trung bình (TB): (số lượng/tỷ lệ).
- Tổng cộng (Loại G + Loại K + Loại TB): (số lượng/tỷ lệ).
- Không hoàn thành: (số lượng/tỷ lệ).

#### 3.2. Kết quả xếp loại CBQL và giáo viên bậc Tiểu học:

Tổng số CBQL và GV: ..... người.

- Loại giỏi (G): (số lượng/tỷ lệ).
- Loại khá (K): (số lượng/tỷ lệ).

- Loại giỏi (TB): (số lượng/tỷ lệ).
- Tổng cộng (Loại G + Loại K + Loại TB): (số lượng/tỷ lệ).
- Không hoàn thành: (số lượng/tỷ lệ).

### **3.3. Kết quả xếp loại CBQL và giáo viên bậc THCS:**

Tổng số CBQL và GV: ..... người.

- Loại giỏi (G): (số lượng/tỷ lệ).
- Loại khá (K): (số lượng/tỷ lệ).
- Loại giỏi (TB): (số lượng/tỷ lệ).
- Tổng cộng (Loại G + Loại K + Loại TB): (số lượng/tỷ lệ).
- Không hoàn thành: (số lượng/tỷ lệ).

### **3.4. Kết quả xếp loại CBQL và giáo viên 3 bậc học:**

- Loại giỏi (G): (số lượng/tỷ lệ).
- Loại khá (K): (số lượng/tỷ lệ).
- Loại giỏi (TB): (số lượng/tỷ lệ).
- Tổng cộng (Loại G + Loại K + Loại TB): (số lượng/tỷ lệ).
- Không hoàn thành: (số lượng/tỷ lệ).

Kết quả cụ thể theo phụ lục II, III, IV, V đính kèm.

## **III. NHẬN XÉT – ĐÁNH GIÁ:**

1. Mặt mạnh:
2. Mặt hạn chế:
3. Biện pháp khắc phục:

## **IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ (nếu có):**

### **Nơi nhận :**

- P.TCCB/Sở GD & ĐT;
- Lưu (VT).

### **TRƯỞNG PHÒNG**

(Ký tên, đóng dấu)

**Phụ lục I:** Dành cho các trường THPT, TTGDTX và các đơn vị trực thuộc.

Tên cơ quan, đơn vị: \_\_\_\_\_

Số ĐT liên lạc: \_\_\_\_\_

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ BỒI DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN  
NĂM HỌC: 2014 - 2015**

| STT | HỌ VÀ TÊN | Ngày tháng<br>năm sinh | Chức vụ | ĐIỂM THÀNH PHẦN CÁC NỘI DUNG BỒI DƯỠNG |            |            | Điểm<br>TB | Xếp<br>loại | Ghi chú |
|-----|-----------|------------------------|---------|----------------------------------------|------------|------------|------------|-------------|---------|
|     |           |                        |         | Nội dung 1                             | Nội dung 2 | Nội dung 3 |            |             |         |
|     |           |                        |         |                                        |            |            |            |             |         |
|     |           |                        |         |                                        |            |            |            |             |         |
|     |           |                        |         |                                        |            |            |            |             |         |
|     |           |                        |         |                                        |            |            |            |             |         |
|     |           |                        |         |                                        |            |            |            |             |         |
|     |           |                        |         |                                        |            |            |            |             |         |
|     |           |                        |         |                                        |            |            |            |             |         |

Tổng cộng danh sách có ..... cán bộ, giáo viên. Trong đó:

- Không hoàn thành: ..... người.
- Hoàn thành (Loại G+K+TB): ..... người.
- Loại G: ..... người.
- Loại K: ..... người.
- Loại TB: ..... người.

Người lập biểu  
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày      tháng      năm  
**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
(Ký tên và đóng dấu)

**Phu lục II: Dành cho các Phòng GDĐT**

Tên cơ quan, đơn vị: \_\_\_\_\_  
Số ĐT liên lạc: \_\_\_\_\_

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ BỒI DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN**  
**NĂM HỌC: 2014 - 2015**

| Stt       | Bậc học | Tổng số<br>CBQL, GV | KẾT QUẢ XẾP LOẠI BDTX CỦA CBQL |        |    |        |    |         |    |                  |    |                      | KẾT QUẢ XẾP LOẠI BDTX CỦA GIÁO VIÊN |    |        |    |         |    |                  |    |  |  | Ghi<br>chú |
|-----------|---------|---------------------|--------------------------------|--------|----|--------|----|---------|----|------------------|----|----------------------|-------------------------------------|----|--------|----|---------|----|------------------|----|--|--|------------|
|           |         |                     | Tổng số<br>CBQL                | Loại G |    | Loại K |    | Loại TB |    | Không hoàn thành |    | Tổng số<br>giáo viên | Loại G                              |    | Loại K |    | Loại TB |    | Không hoàn thành |    |  |  |            |
|           |         |                     |                                | TS     | TL | TS     | TL | TS      | TL | TS               | TL |                      | TS                                  | TL | TS     | TL | TS      | TL | TS               | TL |  |  |            |
| 1         | MN      |                     |                                |        |    |        |    |         |    |                  |    |                      |                                     |    |        |    |         |    |                  |    |  |  |            |
| 2         | TiH     |                     |                                |        |    |        |    |         |    |                  |    |                      |                                     |    |        |    |         |    |                  |    |  |  |            |
| 3         | THCS    |                     |                                |        |    |        |    |         |    |                  |    |                      |                                     |    |        |    |         |    |                  |    |  |  |            |
|           |         |                     |                                |        |    |        |    |         |    |                  |    |                      |                                     |    |        |    |         |    |                  |    |  |  |            |
| Tổng cộng |         |                     |                                |        |    |        |    |         |    |                  |    |                      |                                     |    |        |    |         |    |                  |    |  |  |            |

Người lập biểu  
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày      tháng      năm  
**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
(Ký tên và đóng dấu)

**Phu lục III: Dành cho các Phòng GDĐT (Bậc MN)**

Tên cơ quan, đơn vị: \_\_\_\_\_  
Số ĐT liên lạc: \_\_\_\_\_

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ BOI DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN BẬC MẦM NON**  
**NĂM HỌC: 2014 - 2015**

| Stt       | Tên trường | Tổng số<br>CBQL, GV | KẾT QUẢ XẾP LOẠI BDTX CỦA CBQL |        |    |        |    |         |    |                  |    |                      | KẾT QUẢ XẾP LOẠI BDTX CỦA GIÁO VIÊN |    |        |    |         |    |                  |    |  |  | Ghi<br>chú |
|-----------|------------|---------------------|--------------------------------|--------|----|--------|----|---------|----|------------------|----|----------------------|-------------------------------------|----|--------|----|---------|----|------------------|----|--|--|------------|
|           |            |                     | Tổng số<br>CBQL                | Loại G |    | Loại K |    | Loại TB |    | Không hoàn thành |    | Tổng số<br>giáo viên | Loại G                              |    | Loại K |    | Loại TB |    | Không hoàn thành |    |  |  |            |
|           |            |                     |                                | TS     | TL | TS     | TL | TS      | TL | TS               | TL |                      | TS                                  | TL | TS     | TL | TS      | TL | TS               | TL |  |  |            |
| 1         |            |                     |                                |        |    |        |    |         |    |                  |    |                      |                                     |    |        |    |         |    |                  |    |  |  |            |
| 2         |            |                     |                                |        |    |        |    |         |    |                  |    |                      |                                     |    |        |    |         |    |                  |    |  |  |            |
| 3         |            |                     |                                |        |    |        |    |         |    |                  |    |                      |                                     |    |        |    |         |    |                  |    |  |  |            |
|           |            |                     |                                |        |    |        |    |         |    |                  |    |                      |                                     |    |        |    |         |    |                  |    |  |  |            |
| Tổng cộng |            |                     |                                |        |    |        |    |         |    |                  |    |                      |                                     |    |        |    |         |    |                  |    |  |  |            |

Người lập biểu  
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày      tháng      năm  
**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
(Ký tên và đóng dấu)

**Phu lục IV:** Dành cho các Phòng GDĐT (Bậc Tiểu Học)

Tên cơ quan, đơn vị: \_\_\_\_\_  
Số ĐT liên lạc: \_\_\_\_\_

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ BỒI DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN BẬC TIỂU HỌC**  
**NĂM HỌC: 2014 - 2015**

| Stt       | Tên trường | Tổng số<br>CBQL, GV | KẾT QUẢ XẾP LOẠI BDTX CỦA CBQL |        |    |        |    |         |    |                  |    | KẾT QUẢ XẾP LOẠI BDTX CỦA GIÁO VIÊN |        |    |        |    |         |    |                  |  | Ghi<br>chú |
|-----------|------------|---------------------|--------------------------------|--------|----|--------|----|---------|----|------------------|----|-------------------------------------|--------|----|--------|----|---------|----|------------------|--|------------|
|           |            |                     | Tổng số<br>CBQL                | Loại G |    | Loại K |    | Loại TB |    | Không hoàn thành |    | Tổng số<br>giáo viên                | Loại G |    | Loại K |    | Loại TB |    | Không hoàn thành |  |            |
|           |            |                     |                                | TS     | TL | TS     | TL | TS      | TL | TS               | TL |                                     | TS     | TL | TS     | TL | TS      | TL |                  |  |            |
| 1         |            |                     |                                |        |    |        |    |         |    |                  |    |                                     |        |    |        |    |         |    |                  |  |            |
| 2         |            |                     |                                |        |    |        |    |         |    |                  |    |                                     |        |    |        |    |         |    |                  |  |            |
| 3         |            |                     |                                |        |    |        |    |         |    |                  |    |                                     |        |    |        |    |         |    |                  |  |            |
| Tổng cộng |            |                     |                                |        |    |        |    |         |    |                  |    |                                     |        |    |        |    |         |    |                  |  |            |

Người lập biểu  
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày      tháng      năm  
**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
(Ký tên và đóng dấu)

**Phu lục V:** Dành cho các Phòng GDĐT (Bậc THCS)

Tên cơ quan, đơn vị: \_\_\_\_\_  
Số ĐT liên lạc: \_\_\_\_\_

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ BỒI DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN BẬC TRUNG HỌC CƠ SỞ**  
**NĂM HỌC: 2014 - 2015**

| Stt       | Tên trường | Tổng số<br>CBQL, GV | KẾT QUẢ XẾP LOẠI BDTX CỦA CBQL |        |    |        |    |         |    |                  | KẾT QUẢ XẾP LOẠI BDTX CỦA GIÁO VIÊN |                      |        |    |        |    |         |    | Ghi<br>chú |                  |  |
|-----------|------------|---------------------|--------------------------------|--------|----|--------|----|---------|----|------------------|-------------------------------------|----------------------|--------|----|--------|----|---------|----|------------|------------------|--|
|           |            |                     | Tổng số<br>CBQL                | Loại G |    | Loại K |    | Loại TB |    | Không hoàn thành |                                     | Tổng số<br>giáo viên | Loại G |    | Loại K |    | Loại TB |    |            | Không hoàn thành |  |
|           |            |                     |                                | TS     | TL | TS     | TL | TS      | TL | TS               | TL                                  |                      | TS     | TL | TS     | TL | TS      | TL |            |                  |  |
| 1         |            |                     |                                |        |    |        |    |         |    |                  |                                     |                      |        |    |        |    |         |    |            |                  |  |
| 2         |            |                     |                                |        |    |        |    |         |    |                  |                                     |                      |        |    |        |    |         |    |            |                  |  |
| 3         |            |                     |                                |        |    |        |    |         |    |                  |                                     |                      |        |    |        |    |         |    |            |                  |  |
| Tổng cộng |            |                     |                                |        |    |        |    |         |    |                  |                                     |                      |        |    |        |    |         |    |            |                  |  |

Người lập biểu  
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày      tháng      năm  
**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
(Ký tên và đóng dấu)